

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/DS-ST
Ngày: 11-6-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Trọng Nhân.

Ông Nguyễn Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị C, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Vào năm 2019, bà Đặng Thị C có vay của bà Q số tiền 8.000.000 đồng

trong 02 lần, cụ thể như sau:

Ngày 10/02/2019 (âm lịch), bà C vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận cứ 1.000.000 đồng thì tiền lãi là 50.000 đồng/tháng, bà C hẹn 05 tháng sau sẽ trả vốn. Bà C trả lãi được 02 tháng với số tiền là 500.000 đồng thì ngưng không trả tiếp.

Ngày 01/3/2019 (âm lịch), bà C vay tiếp 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận cứ 1.000.000 đồng thì tiền lãi là 50.000 đồng/tháng. Hẹn 05 tháng sau sẽ trả vốn. Khoản tiền này bà C không trả lãi.

Cả 02 lần vay tiền đều không lập biên nhận hay văn bản, hai bên chỉ thể hiện bằng lời nói, việc cho vay tiền có ông Nguyễn Văn C chứng kiến. Đến thời hạn trả, chồng bà C là ông Nguyễn Văn H có trả cho bà Q được 500.000 đồng, còn nợ lại 7.500.000 đồng. Do đó, nay bà Q khởi kiện yêu cầu bà C phải trả cho bà số tiền còn nợ là 7.500.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi, đồng thời bà Q không đồng ý cho bà C trả dần.

Ngoài ra, bà Q không có yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng, bị đơn bà Đặng Thị C trình bày:

Vào tháng 5 năm 2019 (âm lịch), bà C có vay của bà Q số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là cứ 1.000.000 đồng thì lãi là 10.000 đồng/ngày. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Bà C đóng lãi liên tục cho bà Q đến cuối năm 2019 thì ngưng không đóng tiếp nhưng không nhớ rõ tổng cộng khoản tiền lãi đã đóng. Riêng về tiền vốn, chồng bà C là ông H có trả thay cho bà được 500.000 đồng. Do đó, với yêu cầu khởi kiện của bà Q, bà C chỉ đồng ý trả cho bà Q số tiền 1.500.000 đồng. Và xin được trả dần trong 02 lần: Lần 01, ngày 20/3/2020, trả 750.000 đồng; Lần 02, ngày 20/4/2020, trả 750.000 đồng còn lại.

Ngoài ra, bà C không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, theo biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2020, ông H trình bày:

Ông H là chồng của bà C. Giữa bà C với bà Q vay mượn tiền bạc như thế nào ông không rõ. Năm 2019, bà Q có đến nhà đòi tiền bà C, ông H có trả thay cho bà C 500.000 đồng. Tuy nhiên, thời gian cụ thể ông H không nhớ rõ. Nay bà Q khởi kiện bà C, ông H không có ý kiến gì. Vì ông không vay tiền của bà Q. Đối với số tiền đã trả cho bà Q, ông H không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa: Bà Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, về thời gian trả nợ bà Q đồng ý cho bà C trả số tiền 7.500.000 đồng trong 02 lần: Lần 01, trong vòng 01 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật trả 4.000.000 đồng; Lần 02, trong vòng 01 tháng kể từ lần 01 trả số tiền còn lại 3.500.000 đồng. Bà C vắng mặt không lý do. Ông H có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc bà C trả cho bà Q số tiền 1.500.000 đồng, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn bà Đặng Thị C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q: Bà Q yêu cầu bà Đặng Thị C trả số tiền là 7.500.000 đồng. Bà Q trình bày đây là số tiền xuất phát từ giao dịch vay tiền giữa bà và bà C nhưng hai bên không làm biên nhận hay bất kỳ loại văn bản nào, bà Q cho bà C vay 8.000.000 đồng trong 02 lần, chồng của bà C là ông Nguyễn Văn H trả được 500.000 đồng, còn nợ lại 7.500.000 đồng. Trong khi đó, bà C chỉ thừa nhận có vay của bà Q số tiền 2.000.000 đồng, thống nhất ông H trả thay được 500.000 đồng, còn nợ lại 1.500.000 đồng. Như vậy, hợp đồng vay tiền giữa bà Q và bà C không lập văn bản, chỉ được thể hiện bằng lời nói, hai bên không thống nhất số tiền vay nhưng lại thống nhất số tiền đã trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Q chỉ cung cấp được duy nhất Đơn xin xác nhận ngày 02/3/2020, được chứng thực ngày 03/3/2020 của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967, địa chỉ tại ấp Lý Quàn 1, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông Chánh trình bày “Khoản 09 – 10 tháng trước âm lịch, tôi có đến nhà ông Phạm Văn B chơi và tôi có chứng kiến bà C đến nhà bà Lê Thị Q là vợ ông Phạm Văn B. Bà C có hỏi số tiền bà Lê Thị Q, số tiền Năm triệu 5.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau đó bà C cũng đến nhà bà Lê Thị Q hỏi thêm Ba triệu 3.000.000 đồng. Tôi chơi tại nhà bà Lê Thị Q chứng kiến” (Bút lục 19). Xét thấy lời trình bày của ông Nguyễn Văn C không đủ cơ sở xác định bà C có vay của bà Q số tiền 8.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà C thừa nhận có vay của bà Q số tiền 2.000.000 đồng, bà Q thừa nhận bà C trả được 500.000 đồng, hai lời thừa nhận này đương sự không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Q có căn cứ một phần được Hội đồng xét xử chấp nhận phần có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Lãi suất vay hai bên không thống nhất về cả mức lãi suất và khoản tiền lãi đã đóng. Bà Q trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận là cứ 1.000.000 đồng thì lãi là 50.000 đồng/tháng (tương đương 05%/tháng), bà C chỉ trả lãi được 500.000 đồng đối với số tiền vay 5.000.000 đồng. Bà C trình bày mức lãi suất là cứ 1.000.000 đồng thì lãi là 10.000 đồng/ngày (tương đương 30%/tháng) và bà trả lãi liên tục đến cuối năm 2019 thì ngưng nhưng không xác định được số tiền lãi đã trả. Cả hai bên đều không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đối với lời trình bày này. Xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà C không trả lãi hết toàn bộ thời hạn vay đồng thời không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả. Mặt khác, bà Q không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Tại phiên tòa, bà Q thay đổi yêu cầu về thời gian trả tiền, đồng ý cho bà C trả dần trong 02 lần nhưng với điều kiện bà C phải trả cho bà số tiền 7.500.000 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q nên bà Q chưa có ý kiến về thời gian trả tiền trong trường hợp bà C chỉ trả cho bà số tiền 1.500.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C yêu cầu được trả dần số nợ 1.500.000 đồng nhưng không được bà Q đồng ý và bà C vẫn chưa thực hiện. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc bà C chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Q vẫn có quyền thể hiện ý kiến về thời gian trả tiền theo quy định tại Điều 6 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về quyền lợi, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn H trong vụ án: Ông H là chồng của bà Đặng Thị C, đồng thời ông H có trả số tiền 500.000 đồng cho bà Q, sự việc này được các bên thống nhất. Xét thấy, việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông H, do đó Tòa án đưa ông H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, ông H trình bày ông không liên quan đến khoản nợ giữa bà C và bà Q, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền ông đã trả thay. Mặt khác, bà Q chỉ khởi kiện yêu cầu bà C đồng thời bà C không yêu cầu ông H cùng có nghĩa vụ với khoản nợ của bà Q nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Q được chấp nhận một phần nên bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của bà Q đối với bà C được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà C là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q.

Buộc bà Đặng Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Q số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q về việc buộc bà Đặng Thị C trả số tiền 6.000.000 đồng.

3. Án phí:

Bà Lê Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 49274 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông nên bà Q đã nộp xong án phí.

Bà Đặng Thị C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm